

Số: ...**373**.../TB-CCTHADS

Quế Võ, ngày 31 tháng 08 năm 2022

## THÔNG BÁO

V/v : Lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản để thi hành án dân sự

**Kính gửi:** Các đơn vị tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp

Căn cứ khoản 4, Điều 56 Luật đấu giá tài sản

Căn cứ Quyết định số 08/ CCTHA- TĐ ngày 08/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế võ, tỉnh Bắc Ninh.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ đăng thông báo lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản kê biên để đảm bảo cho việc thi hành án như sau:

**1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá:**

Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh:

Đ/c: Thị Trấn Phố Mới, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Số điện thoại 0222.3863.248. – 038.980.9144.

**2- Tên tài sản đấu giá:**

2.1. Một phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 395, tờ bản đồ số 10, bản đồ địa chính năm 2011 tại thôn Mộ Đạo, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh có diện tích đất tương ứng là 70m<sup>2</sup>, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp nhà ở của ông Nguyễn Thế Chung, có chiều dài 17,5m; Phía Tây giáp đất của hộ gia đình ông Nguyễn Thế Kiến, có chiều dài 17,5m; Phía Nam giáp đường giao thông của thôn có chiều dài 4m; Phía Bắc giáp đất của hộ gia đình ông Nguyễn Thế Kiến, có chiều dài 4m: (Giá thẩm định: 777.000.000 đồng).

2.2. Tài sản gắn liền trên đất gồm: Nhà tạm, mái vẩy tôn, bể nước, giếng khoan, tường hoa, vách ngăn nhà tạm ( Giá thẩm định: 48.679.300 đồng, làm tròn 48.679.000 đồng).

**3- Giá khởi điểm của tài sản đấu giá:**

825.679.000 đồng (Tám trăm hai năm triệu sáu trăm bảy chín nghìn đồng)

**4- Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:** Các tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật đấu giá tài sản, bao gồm:

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.
- Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.
- Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu gia tài sản.
- Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.
- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư Pháp công bố.

- Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

(Đính kèm Bảng tiêu chí kèm theo Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành án dân sự quy định tại Quyết định số 1079/QĐ-TCTHADS ngày 25/12/2020 của Tổng cục Thi hành án dân sự).

**5- Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ đăng ký:**

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày đăng thông báo, các tổ chức đấu giá tài sản có nhu cầu thì lập 01 bộ hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá gửi về Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Nếu hết thời hạn trên không thấy tổ chức đấu giá nào nộp hồ sơ đăng ký thì Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh sẽ chỉ định tổ chức đấu giá tài sản để thực hiện việc đấu giá tài sản trên theo quy định.

Trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Trang thông tin điện tử của Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Cổng thông tin Quốc gia về đấu giá tài sản;
- Lưu VT, HSTHA.



**CHẤP HÀNH VIÊN**

**Vũ Thị Thanh**

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2020

PHỤ LỤC 2

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TỜ CHỨC ĐÀU GIÁ TÀI SẢN**

(Ban hành kèm theo Quy trình lựa chọn tờ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành án)

Tiêu chí có dấu (\*) là tiêu chí bắt buộc cần đạt được

| STT      | NỘI DUNG  | TIÊU CHÍ LỰA CHỌN  | ĐIỂM CHUẨN | ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC | GHI CHÚ |
|----------|---|--|------------|---------------|---------|
| (1)      | (2)   | (3)  | (4)        | (5)           | (6)     |
|          | <b>TỔNG (I+II+III+IV+V)</b>   |  | <b>100</b> |               |         |
| <b>I</b> | <b>Năng lực pháp lý*</b>  |  | <b>15</b>  |               |         |
| <b>1</b> | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b> |  | <b>5</b>   |               |         |
| <b>2</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả</b>                                      |  | <b>10</b>  |               |         |
|          |   | Đúng với quy định của pháp luật, đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan và hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ, rõ ràng trình tự thực hiện và đề xuất các công việc do đơn vị thực hiện) | <b>3</b>   |               |         |
|          |   | Đảm bảo an toàn, an ninh trật tự   | <b>2</b>   |               |         |



|           |  |           |  |         |
|-----------|--|-----------|--|---------|
|           | <i>cho cuộc đấu giá.</i>   |           |  |         |
|           | <i>Có phương án bảo mật thông tin, chống thông đồng đùm giá</i>  | 1         |  |         |
|           | <i>Xác định rõ phương thức thu, nộp và trả tiền đặt trước, tiền lãi phát sinh từ tiền đặt trước</i>  | 1         |  |         |
|           | <i>Đề xuất thêm các hình thức, địa điểm thông báo, niêm yết ngoài hình thức, địa điểm theo quy định pháp luật hoặc có cách thức khác tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá (thông qua các ứng dụng CNTT, các kênh quảng cáo online)</i> | 1         |  |         |
|           | <i>Có giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh khi tổ chức cuộc đấu giá</i>   | 1         |  |         |
|           | <i>Có phương án giải trình kết quả bán đấu giá, phối hợp với cơ quan THADS trong việc giải quyết khiếu nại, thắc mắc liên quan đến kết quả bán đấu giá tài sản.</i>  | 1         |  |         |
| <b>II</b> | <b>Năng lực kinh nghiệm</b>  | <b>60</b> |  |         |
| <i>I</i>  | <i>Kết quả đấu giá thành công</i>  | <b>25</b> |  | Tổ chức |



|     |  |  |    |  |                   |
|-----|--|--|----|--|-------------------|
| 1.1 | Đã từng tổ chức đấu giá cùng loại tài sản thành công có mức chênh lệch giá khởi điểm so với giá trúng đấu giá  | <b>Giá trị chênh lệch từ 20% trở lên/01 hợp đồng</b> | 10 | đầu phải cấp đồng, vụ đấu giá, báo cáo kết quả đấu giá, biên bản lý đồng | giá cung hợp dịch |
|     |  | Giá trị chênh lệch từ 15% đến dưới 20%/01 hợp đồng   | 9  |  |                   |
|     |  | Giá trị chênh lệch từ 10% đến dưới 15%/01 hợp đồng   | 8  |  |                   |
|     |  | Giá trị chênh lệch từ 5% đến dưới 10%/01 hợp đồng    | 7  |  |                   |
|     |  | Giá trị chênh lệch dưới 5%/01 hợp đồng               | 6  |  |                   |
| 1.2 | Số lượng hồ sơ đã đấu giá tài sản thành công   | <b>Trên 30 hồ sơ</b>                                 | 10 |  |                   |
|     |  | Từ 20 hồ sơ đến 30 hồ sơ                             | 9  |  |                   |
|     |  | Dưới 20 hồ sơ  | 8  |  |                   |
| 1.3 | Đã thực hiện đấu giá nhiều loại tài sản thuộc sở hữu nhà nước như tài sản công, tài sản thanh lý, tài sản quyền sử dụng đất được nhà nước giao, tài sản là dự án,....trong vòng 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký | <b>Từ 05 loại tài sản trở lên</b>                    | 5  |  |                   |
|     |  | Từ 02 đến 05 loại tài sản                            | 4  |  |                   |
|     |  | Có 01 loại tài sản                                   | 3  |  |                   |
| 1.4 | Số lượng hồ sơ đấu giá bị hủy do vi phạm   | <b>Trên 10 hồ sơ</b>                                 | -  | 5  |                   |





|      |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|      |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|      |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|      |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|      |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2    |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|      |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| a    |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|      |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b    |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|      |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| a,   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b    |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Từ 05 hồ sơ đến 10 hồ sơ

Dưới 05 hồ sơ

Quy mô tổ chức hoạt động đảm bảo thực hiện công việc

Tổ chức đấu giá tài sản

Đã hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản

Đã từng ký hợp đồng đấu giá cùng loại tài sản trên địa bàn tỉnh

Đấu giá viên

Số lượng đấu giá viên có kinh nghiệm, đã tham gia bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định của Luật Đấu giá tài sản

Đấu giá viên là người có kinh nghiệm hành nghề đấu giá (tính từ ngày được cấp thẻ đấu giá viên và điều hành cuộc đấu

Giấy đăng hoạt động, quyết định thành lập

Thẻ đấu giá viên hoặc xác nhận của Sở Tư pháp trong trường hợp đấu giá viên đổi thẻ



|     |  |  |     |   |
|-----|--|--|-----|---|
|     | giá đầu tiên)  | Dưới 01 năm  | 1   | Hợp đồng lao động và sổ bảo hiểm xã hội hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền để chứng minh |
| 2.3 | Nhân viên nghiệp vụ  |  | 6,0 |   |
| a.  | Số lượng nhân viên nghiệp vụ   | Có 05 đến 07 viên nghiệp vụ  | 2   |   |
|     |  | Từ 02 đến 04 nhân viên nghiệp vụ   | 1   |   |
|     |  | Có 01 nhân viên nghiệp vụ  | 0,5 |   |
| b.  | Nhân viên nghiệp vụ đã làm việc trong các tổ chức đấu giá                                      | Từ 02 năm trở lên  | 2   |   |
|     |  | Dưới 02 năm  | 1   |   |
| c.  | Nhân viên nghiệp vụ đã tham gia khóa đào tạo nghề đấu giá                                      | Từ 03 nhân viên nghiệp vụ trở lên  | 2   |   |
|     |  | Dưới 03 nhân viên nghiệp vụ  | 1   |   |
| 3   | Có áp dụng hình thức đấu giá trực tuyến  |  | 5   |   |
| 4.  | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá |  | 10  | Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ, tài liệu chứng minh các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết |
|     |  | Có phòng tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá và được bố trí vị trí thuận tiện đảm bảo cho việc đăng ký đối với từng loại tài sản; lắp đặt hệ thống camera giám sát công khai, minh bạch trong quá | 2   |   |



|  | trình tiếp nhận hồ sơ tổ chức đấu giá tài sản.   |     |  | bị cần thiết cho việc đấu giá |
|--|--|-----|--|-------------------------------|
|  | Trang thiết bị: Máy in; máy tính; máy chiếu; máy photocopy, thùng đựng phiếu trả giá đảm bảo chắc chắn, an toàn, bảo mật và các phương tiện khác đảm bảo cho việc đấu giá tài sản; | 2   |  |                               |
|  | Có lắp đặt hệ thống phòng, chống cháy nổ tại nơi tổ chức cuộc đấu giá  | 0,5 |  |                               |
|  | Có trang thông tin điện tử hoạt động   | 2   |  |                               |
|  | Địa chỉ trụ sở cụ thể, rõ ràng   | 0,5 |  |                               |
|  | Hội trường thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của tổ chức đấu giá đảm bảo đủ điều kiện cho cuộc đấu giá  | 2   |  |                               |
|  | Hội trường thuê đủ điều kiện tổ chức cuộc đấu giá  | 1   |  |                               |
|  | Không có hoặc hội trường không đảm bảo cho cuộc đấu giá  | 0   |  |                               |



| III | Năng lực tài chính  |  |    |  |
|-----|---|--|----|--|
| 1   | Có biểu phí dịch vụ cố định được ban hành công khai trên Website của Công ty  |  | 15 |  |
| 2   | Thủ lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp theo quy định của Thông tư 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính          | Giảm từ 20% trở lên phần cố định của khung thù lao | 10 |  |
|     |   | Dưới 20% phần cố định của khung thù lao            | 9  |  |
|     |   | Bằng mức tối đa khung thù lao                      | 8  |  |
| V   | Tiêu chí khác (doanh nghiệp mới khởi nghiệp; vai trò đóng góp xã hội của doanh nghiệp; điều kiện đặc thù của địa phương, của tài sản;.....) |  | 10 |  |

Lưu ý: Đối với mục V “tiêu chí khác”, căn cứ khung tiêu chí này, Cục trưởng Cục THADS xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm xây dựng tiêu chí cụ thể cho việc lựa chọn tổ chức đấu giá phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng loại tài sản, đặc thù từng địa phương (nếu có). SCL

